

VAI TRÒ CỦA GIỚI TRONG QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CỘNG ĐỒNG CỦA HUYỆN NAM ĐÔNG, THỪA THIÊN HUẾ

**Ngô Thị Phương Anh*, Đỗ Thị Thu Ái, Vũ Thị Thùy Trang,
Lê Thị Phương Thảo, Nguyễn Duy Ngọc Tân**

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Tác giả liên hệ: ngothiphuonganh@huaf.edu.vn

Nhận bài: 10/08/2019 *Hoàn thành phản biện:* 05/11/2019 *Chấp nhận bài:* 30/11/2019

TÓM TẮT

Thông qua kết quả phỏng vấn sâu 11 người am hiểu là cán bộ kiểm lâm huyện, trưởng thôn, đại diện ban quản lý rừng cộng đồng; phỏng vấn 60 hộ dân, và thảo luận 8 nhóm nam, nữ và trẻ em tại hai điểm nghiên cứu, đề tài đã xác định được có sự phân biệt giới trong các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng ở cả 2 nhóm dân tộc Kinh (xã Hương Lộc) và Cơ tu (xã Thượng Quảng). Mức độ tham gia của nữ giới và nam giới trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng là không giống nhau và có sự tương đồng giữa 2 nhóm dân tộc. Nam giới thường tham gia vào các hoạt động quản lý bảo vệ rừng nhiều hơn nữ giới. Nam giới hầu như có quyền tham gia và quyết định tất cả mọi việc từ gia đình đến ngoài xã hội như: lập kế hoạch, xây dựng quy ước, tuần tra bảo vệ, phát triển rừng cộng đồng và tham gia lãnh đạo cộng đồng; Trong lúc đó phụ nữ rất ít có cơ hội đề tham gia vào các hoạt động trên, đặc biệt là vị trí quản lý cộng đồng. Sở dĩ có sự khác biệt giới như vậy là do 2 nhân tố chi phối: định kiến giới và địa vị xã hội. Tuy nhiên, trên cơ sở phân tích kết quả thì sự khác biệt giới trong hoạt động quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng cộng đồng do địa vị xã hội ở nhóm người Cơ tu rõ nét hơn ở nhóm người Kinh.

Từ khóa: Địa vị xã hội, Định kiến giới, Giới, Rừng cộng đồng, Nam Đông

THE ROLE OF GENDER IN COMMUNITY FOREST MANAGEMENT, PROTECTION AND DEVELOPMENT IN NAM DONG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

**Ngo Thi Phuong Anh, Do Thi Thu Ai, Vu Thi Thuy Trang,
Le Thi Phuong Thao, Nguyen Duy Ngọc Tan**

University of Agriculture and Forestry, Hue University

ABSTRACT

11 knowledgeable people who were district forest rangers, village heads, representatives of community forest management boards were thoroughly interviewed; 60 households, 8 groups of men, women and children in two research sites were interviewed and discussed; the study identified that there was the gender discrimination in community forest management, protection and development activities in both 2 groups of Kinh people (Huong Loc commune) and Co tu people (Thuong Quang commune). The participation level of women and men was different from these activities, thus there were similarities between the two ethnic groups. Men were more involved in forest protection and management activities than women. Most men had the rights to participate in and decide everything from their families to social activities such as making plans and regulations, patrolling, protecting and developing community forest and joining community leadership. At the same time, women had few opportunities to participate in these activities, especially community management positions. There were gender differences in the community forest management, protection and development activities due to two main factors: Gender discrimination and social status. However, based on the analysis of the results, there were gender differences in forest protection and development of community forests due to the fact that social status in the Cotu group was clearer than the Kinh group.

Keywords: Community forest, Gender discrimination, Nam Dong, Social status

1. MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, quản lý rừng cộng đồng đã và đang trở thành một trong những phương thức quản lý rừng phổ biến ở Việt Nam đã mang lại một số hiệu quả đáng ghi nhận.

Nam Đông là một huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai giao rừng cho các cộng đồng quản lý, sử dụng và bước đầu đã có những thành quả nhất định. Công tác giao rừng cho cộng đồng quản lý bảo vệ được người dân và chính quyền địa phương hưởng ứng tích cực, tạo được chuyển biến lớn trong cộng đồng dân cư về nhận thức trách nhiệm công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; bước đầu đã mang lại hiệu quả trong công tác Quản lý bảo vệ (QLBV) rừng, hạn chế tình hình xâm hại tài nguyên rừng, từng bước xác lập được chủ thể quản lý rừng; nâng cao hiệu quả sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, tạo điều kiện cho hộ gia đình yên tâm sử dụng đất và đầu tư vào các hoạt động làm giàu rừng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học (Hạt kiểm lâm huyện Nam Đông, năm 2017). Tuy nhiên, một trong những vấn đề bất cập trong quản lý rừng cộng đồng ở đây chưa được quan tâm nghiên cứu đó là sự bất bình đẳng giới. Ở khu vực miền núi, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong tất cả các hoạt động của cộng đồng về khai thác và sử dụng các loại sản phẩm có liên quan đến rừng nhưng vai trò của họ trong các hoạt động về QLBV rừng ít khi nhận được sự chú ý đúng mức trong các chương trình phát triển rừng. Bên cạnh đó, các quy định pháp lý của Việt Nam thường ít đề cập đến vai trò và giá trị của người phụ nữ (Lê Thị Diên, 2011). Chính vì vậy, sự hạn chế của phụ nữ trong việc tham gia quản lý tài nguyên rừng cũng như quyền ra quyết định đã gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác QLBV&PTR. Để góp phần làm cơ sở hướng tới quản lý bền vững rừng cộng đồng

nói riêng và nguồn tài nguyên rừng nói chung, đề tài nghiên cứu này tập trung vào phân tích vai trò của giới trong công tác QLBV&PT rừng cộng đồng tại điểm nghiên cứu.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai thực hiện ở địa bàn 2 xã Hương Lộc và Thượng Quảng, thuộc huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là 2 xã đại diện cho 2 nhóm dân tộc Kinh (xã Hương Lộc) và Cơ tu (xã Thượng Quảng) được giao rừng cho cộng đồng quản lý, bảo vệ và đã mang lại một số thành quả nhất định. Tuy nhiên, vấn đề giới trong quản lý bảo vệ rừng cộng đồng ở đây vẫn chưa được chú trọng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

- Thu thập các thông tin, số liệu thứ cấp từ các báo cáo của Hạt kiểm lâm Nam Đông, Ban quản lý rừng huyện Nam Đông; UBND xã Hương Lộc và Thượng Quảng.

- Kế thừa, tham khảo số liệu khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu trong các bài báo cáo khoa học, tạp chí, trang web, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

- Phỏng vấn sâu các cán bộ địa phương, bao gồm 4 trưởng thôn, 1 cán bộ hạt kiểm lâm huyện, 2 kiểm lâm viên địa bàn, 4 cán bộ của ban quản lý rừng cộng đồng tại địa phương.

- Phỏng vấn bán cấu trúc 60 người dân địa phương tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng tại xã Thượng Quảng và xã Hương Lộc.

- Tiến hành thảo luận 8 nhóm theo giới, mỗi nhóm từ 5-8 người: bao gồm nhóm 4 nam và 4 nhóm nữ tại Thượng Quảng và Hương Lộc về khung hoạt động, bảng phân công lao động theo giới, khung

tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, sơ đồ SWOT, các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong quản lý, sử dụng và phát triển rừng cộng đồng.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu từ thảo luận nhóm được tổng hợp vừa làm cơ sở xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn cá nhân hộ gia đình và cán bộ quản lý.

Số liệu thu thập qua bảng phỏng vấn được chọn lọc, kiểm tra chéo, xử lý và phân tích định lượng bằng phần mềm Excel 2010 nhằm phục vụ cho việc giải thích các sự kiện, kết quả nghiên cứu. Kết quả xử lý được thể hiện theo dạng phân tích, mô tả, bảng và biểu đồ.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Giới thiệu chung về địa bàn nghiên cứu

Hương Lộc là xã thuộc miền núi cách trung tâm huyện 2 km về phía Đông Nam. Theo báo cáo kiểm kê đất đai năm 2017 của Huyện Nam Đông, tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 6.570,28 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 6.128,87 ha (gồm: 4.539,25 ha đất rừng đặc dụng và 1.589,62 ha đất rừng phòng hộ). Tổng diện tích giao đất giao rừng toàn xã tính đến năm 2017 là 691,582 ha, trong đó giao cho 2 cộng đồng (thôn 2 và 3) là 282,36 ha, 4 nhóm hộ: 400,722 ha và 58 hộ gia đình: 278,5 ha để quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Đa số diện tích đất rừng được giao cho cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình ở trạng thái rừng thứ sinh trữ lượng nghèo.

Thượng Quảng là xã miền núi ở vùng thượng nguồn sông Hương, nằm về phía Tây của huyện Nam Đông, cách trung tâm thị trấn Khe Tre khoảng 16 km về hướng Đông. Theo số liệu thống kê năm 2017, tổng diện tích đất tự nhiên của xã Thượng Quảng là 15.522,35 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp chiếm 14.320,94 ha, hơn gấp 2 lần

xã Hương Lộc, bao gồm đất rừng phòng hộ 5.153,03 ha, đất rừng đặc dụng 4.568,16 ha, đất rừng sản xuất 4.599,75 ha. Toàn xã đến năm 2017 đã giao được 863,80 ha, trong đó giao cho 4 cộng đồng dân cư thôn với diện tích 475,30 ha và 6 nhóm hộ với diện tích 388,50 ha. Phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho cộng đồng, nhóm hộ là rừng sản xuất với trạng thái rừng nghèo, tổ thành loài cây chủ yếu là uoi, chò, đào, trám.

3.2. Vai trò của giới trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng tại điểm nghiên cứu

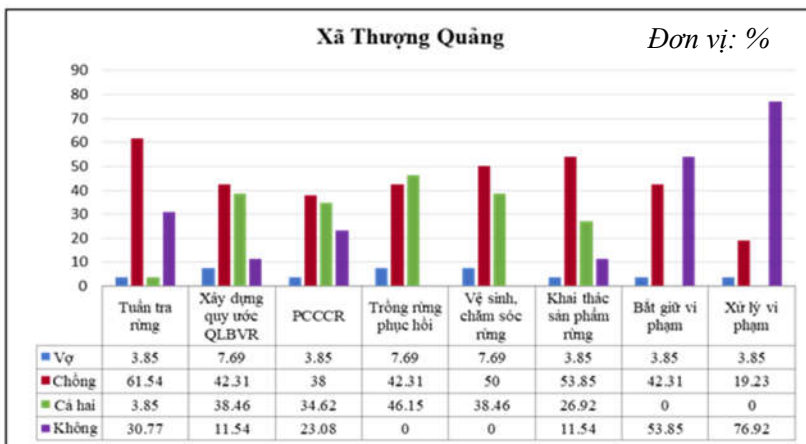
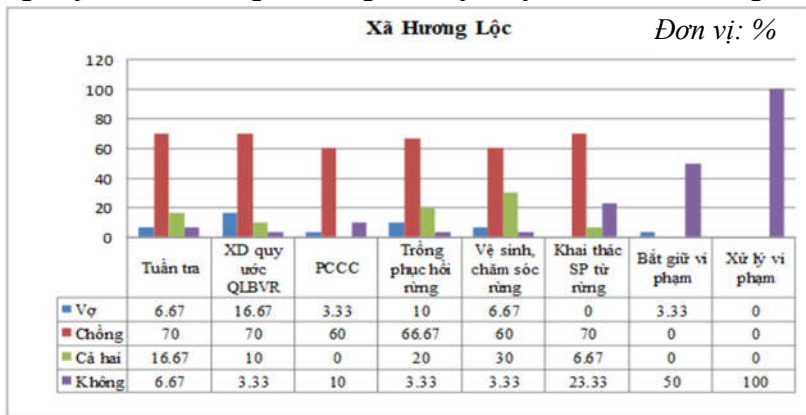
3.2.1. Sự tham gia của giới trong các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng

Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của nam và nữ giới trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng là không giống nhau và có sự tương đồng giữa 2 nhóm dân tộc. Nam giới thường tham gia vào các hoạt động quản lý bảo vệ rừng nhiều hơn nữ giới, nam giới hầu như có quyền quyết định tất cả mọi việc từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Qua điều tra tại địa bàn nghiên cứu được kết quả thể hiện ở Biểu đồ 1.

Biểu đồ 1 cho thấy: người dân của cả 2 nhóm dân tộc đều tham gia hầu hết các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng. Tuy nhiên, phụ nữ ở dân tộc Kinh và Cơ tu rất ít khi tham gia các hoạt động QLBRV, họ chiếm tỷ lệ tham gia rất thấp, thường dưới 20%, trong khi đó nam giới tham gia trên 50%. Nữ giới thường chỉ tham gia các hoạt động trồng, vệ sinh, chăm sóc rừng, họ ít tham gia vào các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng. Kết quả phỏng vấn sâu các thành viên ban quản lý rừng và thông qua thảo luận nhóm người dân cho biết: do khoảng cách từ nhà đến rừng cộng đồng khá xa, phụ nữ không đủ sức khỏe, đường núi dốc, nhiều khe đá rất nguy hiểm nên đã hạn chế sự tham gia của nữ giới. Ở đây trừ khi

nam giới trong gia đình bận không đi được thì nữ giới mới đi thay nhưng đa số rất ít. Ngoài ra, nữ giới phải đảm đương các công

việc nhà như nội trợ, dọn dẹp nhà cửa, lo cho con cái nên họ thường bị hạn chế trong việc quản lý và khai thác các nguồn lợi từ rừng.



Biểu đồ 1. Sự tham gia của giới trong các hoạt động liên quan đến QLBV RCD

3.2.2. Sự phân công lao động theo giới trong các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển RCD

Để thấy rõ sự phân công lao động theo giới trong các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển RCD tại xã Hương Lộc và xã Thượng Quảng, đề tài đã tiến hành phân tích công cụ Bảng phân công lao động theo giới và kết quả thể hiện ở Bảng 1.

Qua số liệu ở Bảng 1 có thể thấy sự phân công lao động theo giới trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng tại các thôn nghiên cứu đều có sự tham gia của nam giới và nữ giới. Tuy nhiên, đa số trong các hoạt động xây dựng quy ước, tuần tra rừng,

phòng cháy chữa cháy, khai thác Lâm sản ngoài gỗ (LSNG), bắt giữ vi phạm nam giới tham gia nhiều hơn nữ giới. Nữ giới thường tham gia nhiều hơn nam giới trong các hoạt động chăm sóc, gieo ươm cây giống do đòi hỏi sự tỉ mỉ. Phụ nữ phải tham gia vào rất nhiều các hoạt động, từ hoạt động sản xuất để tạo ra thu nhập đến các hoạt động xã hội và đặc biệt là tham gia vào các công việc được coi là “trách nhiệm, thiên chức” như chăm sóc gia đình, nội trợ, nấu ăn, giặt quần áo, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc người già, nên hạn chế phụ nữ trong tất cả các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng.

Bảng 1. Phân công lao động theo giới trong hoạt động QLBV&PT rừng cộng đồng

Hoạt động	Xã Hương Lộc			Xã Thượng Quảng		
	Giới	Thời điểm	Tần suất	Giới	Thời điểm	Tần suất
Xây dựng quy ước QLBV&PTRCĐ	Nam/Nữ	2011	1 lần	Nam/Nữ	Khi nhận RCĐ	1 lần
Tuần tra rừng	Nam/Nữ	Quanh năm	4 lần/tháng	Nam/Nữ	Quanh năm	2-3 lần/tháng
Chăm sóc, vệ sinh rừng	Nữ/Nam	Quanh năm	Tùy thuộc điều kiện rừng	Nam/Nữ	Quanh năm	3 lần/tháng
Trồng phục hồi rừng	Nam+Nữ	Sau uơm 3 tháng	2 lần từ khi nhận Rừng	Toàn thôn	3 tháng/lần	3 tháng/lần
Khai thác LSNG	Nam/Nữ	Quanh năm		Nam/Nữ	Quanh năm	
Phòng cháy chữa cháy rừng	Nam/Nữ	Mùa hè		Toàn thôn	Mùa hè	
Bắt giữ đối tượng vi phạm tài nguyên rừng	Nam/Nữ	Khi đi tuần tra		Nam	Không cố định	
Xử lý vi phạm	x	x	x	Nam	Không cố định	

Nguồn: Tổng hợp kết quả thảo luận nhóm (2019)

Nữ/Nam: Nữ tham gia nhiều hơn Nam Nam/Nữ: Nam tham gia nhiều hơn Nữ

Nam + nữ: Cả Nam và Nữ tham gia ngang nhau

3.2.3. Vị trí của nam và nữ trong ban quản lý rừng cộng đồng

Vai trò cộng đồng của giới bao gồm vai trò tham gia cộng đồng và lãnh đạo cộng đồng. Đối với vai trò tham gia cộng đồng, cả nam và nữ đều tham gia các hoạt động họp thôn để xây dựng quy ước hay lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng. Tuy nhiên, người chồng vẫn tham gia thường xuyên hơn, người vợ chỉ tham gia khi chồng bận hoặc không có ở nhà. Do đó, người phụ nữ

thường ít được tham gia vào các hoạt động trong thôn, họ luôn cho rằng việc xã hội, việc cộng đồng họp hành là việc của đàn ông, cũng giống như việc bảo vệ rừng là việc của đàn ông, việc nội trợ, chăm sóc gia đình, con cái là việc của phụ nữ. Đối với vai trò lãnh đạo cộng đồng, vị trí của người dân khi tham gia trong ban quản rừng cộng đồng cho thấy vị trí của giới trong các hoạt động liên quan đến quản lý bảo vệ rừng cộng đồng. Cụ thể ở Bảng 2.

Bảng 2. Vị trí của nam và nữ tham gia trong ban quản lý bảo vệ rừng cộng đồng

Chức vụ	Xã Hương Lộc		Xã Thượng Quảng	
	Thành phần tham gia		Thành phần tham gia	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Trưởng ban	x		x	
Phó trưởng ban	x		x	
Thủ quỹ		x		x
Tổ trưởng	x		x	
Thành viên	x	x	x	

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra điều tra (2019)
quản lý rừng cộng đồng cũng là nam giới, nữ giới chỉ là thành viên với số lượng tương đối ít chỉ có từ 2 – 3 người. Theo quan niệm

Có thể thấy rằng, các thành viên trong ban quản lý rừng cộng đồng chủ yếu là nam giới, các vị trí quan trọng trong ban

phụ nữ chân yếu tay mềm, ít có tiếng nói trong cộng đồng nên khi bầu chọn các chức vụ trong ban quản lý rừng cộng đồng thì phụ nữ hầu như không được chọn mà đa phần là nam giới đảm nhận.

3.3. Mức độ tham gia của giới trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển RCD

Kết quả ở Biểu đồ 2 cho thấy, mức độ tham gia của nữ giới và nam giới là hoàn toàn khác nhau, nam giới thường tham gia

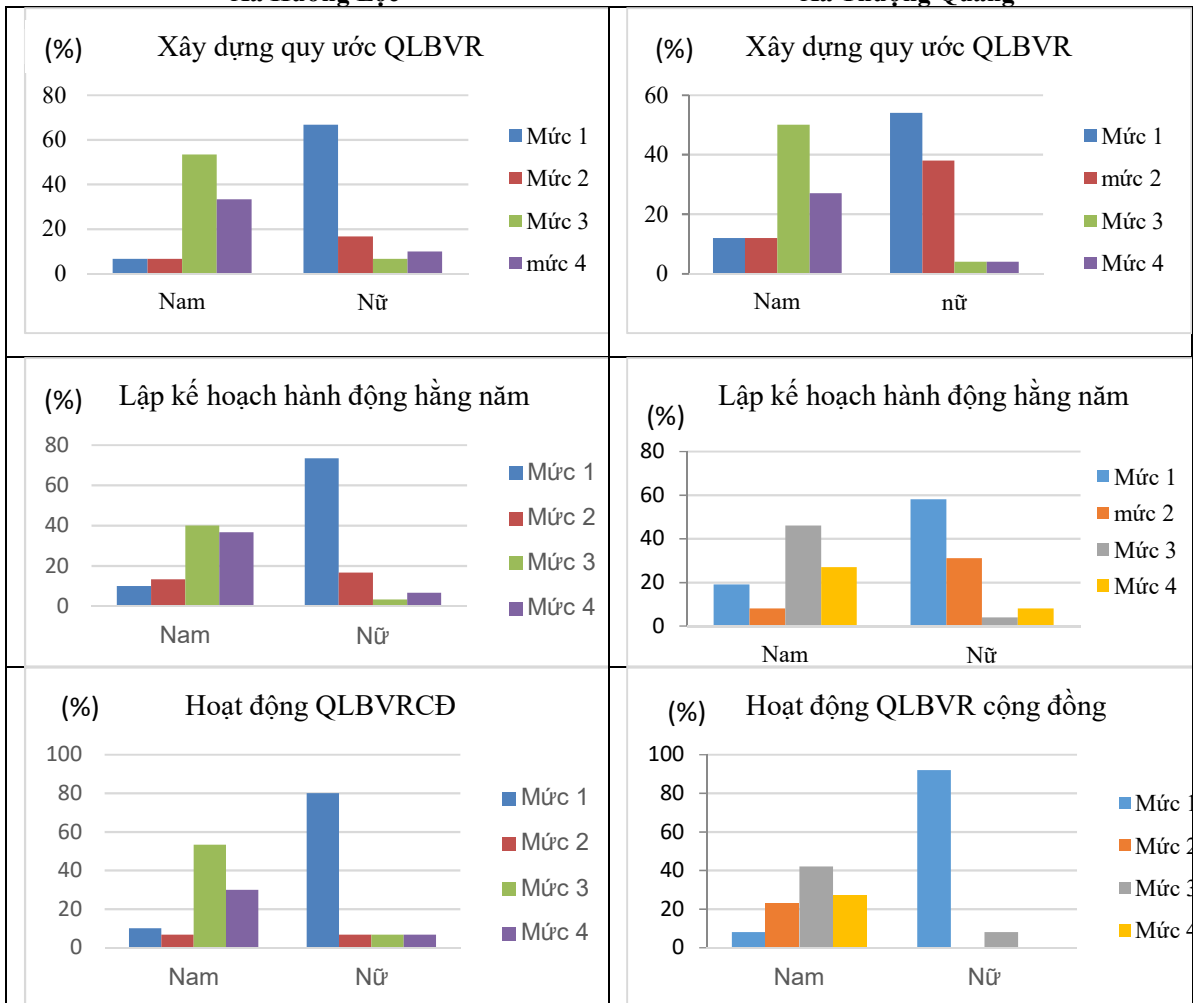
vào các hoạt động QLBV và phát triển rừng nhiều hơn nữ giới.

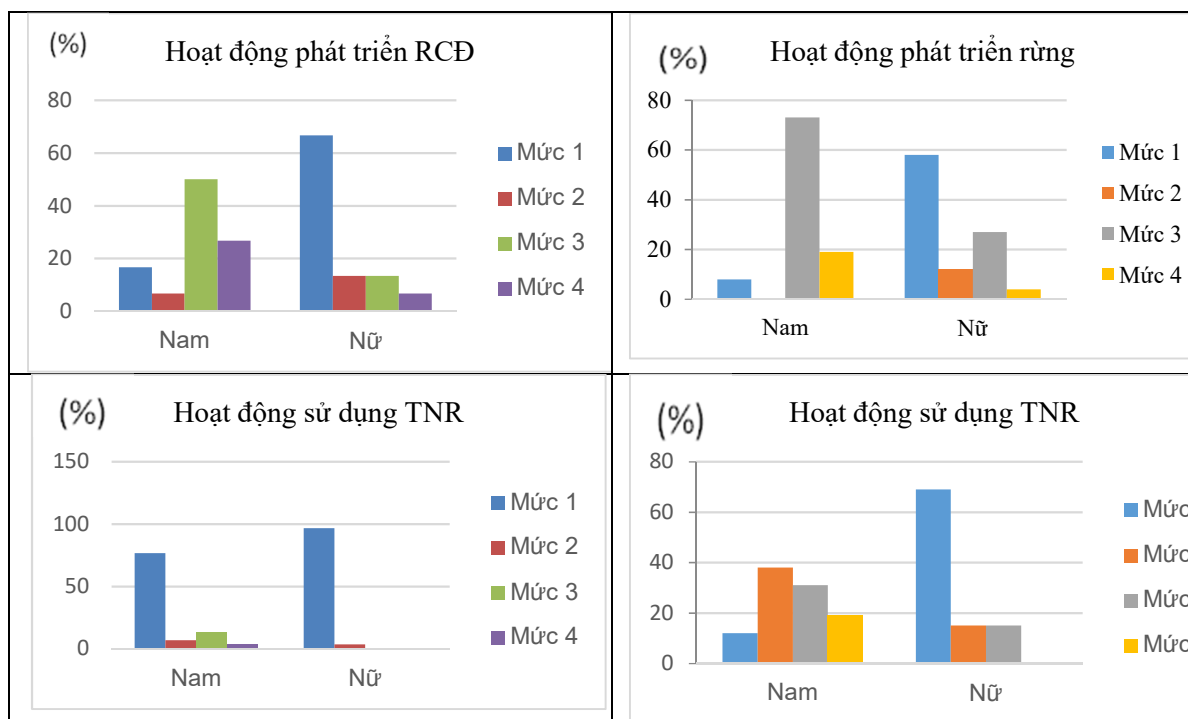
Cụ thể:

- Đối với hoạt động xây dựng quy ước bảo vệ rừng: mức độ tham gia hoạt động giữa nam giới và nữ giới trong các gia đình ở cả 2 nhóm dân tộc là khác nhau. Sự tham gia của nam giới nhiều hơn nữ giới. Tỷ lệ nam giới tham gia hoạt động này là trên 50%, nhưng nữ giới chỉ dưới 20%.

Xã Hương Lộc

Xã Thượng Quảng





Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra (2019)

Biểu đồ 2. Mức độ tham gia các hoạt động các hoạt động QLBVR theo giới

Mức 1: Không tham gia

Mức 3: Tham gia vừa phải

Đối với các hoạt động phát triển rừng cộng đồng: phần lớn nam giới tham gia với mức độ trên 60%, nữ giới chỉ dưới 20%. Theo phỏng vấn sâu, nữ giới ít tham gia là do họ phải làm nhiều công việc khác nhau: việc nhà, chăm lo cho gia đình con cái, tham gia vào việc sản xuất kiếm thêm thu nhập nên mức độ tham gia của họ trong công tác QLBV&PT rừng cộng đồng rất hạn chế.

Hoạt động sử dụng tài nguyên rừng cộng đồng: mức độ tham gia trong hoạt động này đều rất thấp đối với cả hai giới, tỷ lệ nam giới và nữ giới tham gia dưới 20%. Riêng nhóm dân tộc Cơ tu ở xã Thượng Quảng, mức độ tham gia của nam giới nổi trội hơn chiếm khoảng 40%.

Từ các kết quả nghiên cứu ở trên, chúng ta dễ nhận thấy rằng trong các hoạt động QLBV&PT rừng cộng đồng mức độ tham gia của giới có sự chênh lệch rất lớn, nam giới là người luôn có mức độ tham

Mức 2: Ít Tham gia

Mức 4: Tham gia nhiều

gia nhiều hơn nữ giới. Chính điều này đã làm tăng khoảng cách giữa nữ giới với các hoạt động QLBV&PT rừng cộng đồng nên mức độ tham gia của họ là rất thấp.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt về giới trong quản lý, sử dụng và phát triển RCD

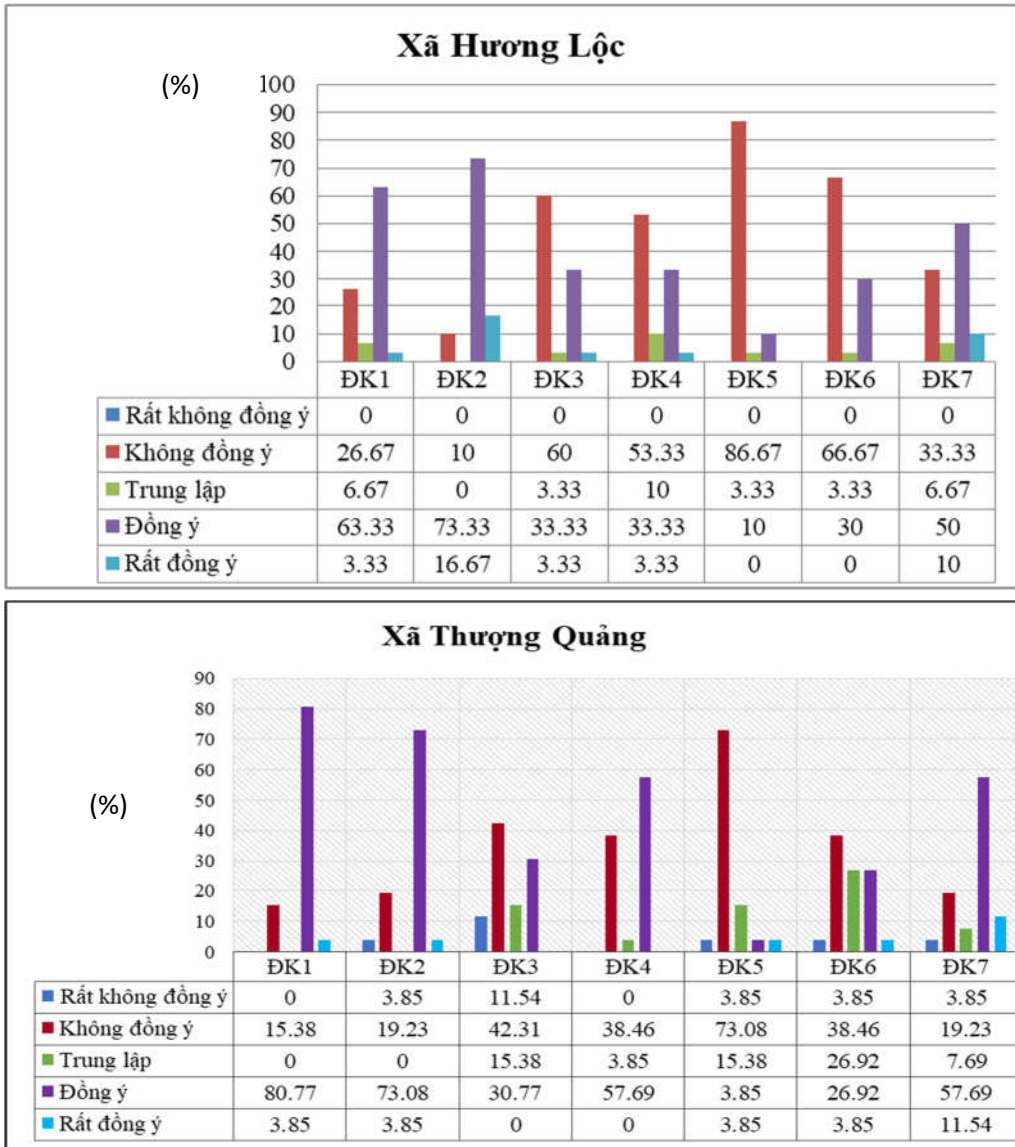
Sự khác biệt giới trong quản lý, sử dụng và phát triển rừng cộng đồng luôn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Trong phạm vi nghiên cứu, đề tài khảo sát ý kiến các bên liên quan và xác định 2 nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến sự khác biệt này chính là định kiến giới và địa vị xã hội.

3.4.1. Định kiến giới ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong quản lý, sử dụng và phát triển RCD

Định kiến giới: là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ (Khoản 4, Điều 5, Luật Bình đẳng giới).

Vậy trong bối cảnh nhóm dân tộc Kinh và Cơ tu tại huyện Nam Đông thì những định kiến nào đã ảnh hưởng đến sự khác biệt giới

trong quản lý, sử dụng và phát triển rừng cộng đồng? Kết quả cho dưới Biểu đồ 3.



Biểu đồ 3. Định kiến giới ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong quản lý, sử dụng và phát triển RCD

ĐK1: Chỉ có phụ nữ mới làm công việc nội trợ, may vá, chăm sóc sức khỏe trong gia đình

ĐK2: Chỉ nam giới mới làm các công việc tuần tra bảo vệ rừng cộng đồng.

ĐK3: Chỉ nữ giới mới làm các công việc gieo ươm cây bản địa, chăm sóc vườn ươm, trồng phục hồi rừng cộng đồng.

ĐK4: Chỉ nam giới mới làm các công việc vệ sinh rừng, phát luống dây leo bụi rậm.

ĐK5: Chỉ nam giới mới cần tham gia các cuộc họp tập huấn về QLBV rừng cộng đồng.

ĐK6: Chỉ nữ giới mới cần tham gia các cuộc họp, tập huấn về gieo ươm cây bản địa, chăm sóc cây con tại vườn ươm, trồng phục hồi rừng cộng đồng.

ĐK7: Chỉ nam giới mới đảm đương tốt vai trò lãnh đạo cộng đồng tham gia các hoạt động liên quan đến QLBV rừng cộng đồng.

Qua Biểu đồ 3, cho kết quả:

- Người dân ở xã Hương Lộc (nhóm dân tộc Kinh) và xã Thượng Quảng (nhóm dân tộc Cơ tu) đồng ý với quan điểm “chỉ có phụ nữ mới làm các công việc nội trợ, may vá, chăm sóc sức khỏe trong gia đình” (với tỷ lệ ý kiến đồng ý: 60 – 80%).- Đa số người dân cả 2 nhóm dân tộc đồng ý với quan điểm “Chỉ nam giới mới làm các công việc tuần tra bảo vệ rừng cộng đồng” (ĐK2) (với tỷ lệ 73% ý kiến đồng ý).

- Nhiều người dân ở 2 nhóm dân tộc đều không đồng ý với quan điểm “Chỉ nữ giới mới làm các công việc gieo ươm cây bản địa, chăm sóc vườn ươm, trồng phục hồi rừng cộng đồng” (ĐK3), tỷ lệ không đồng ý chiếm từ 40 – 60%, và đồng ý khoảng 30%.

- Với quan điểm (ĐK4) chỉ nam giới mới làm các công việc vệ sinh rừng, phát luống dây leo bụi rậm thì nhóm người Kinh có tỷ lệ người dân không đồng tình với quan điểm ĐK4 khá cao (chiếm 53,33%). Trong khi đó, người Cơ tu cho rằng việc này là do nam giới làm (chiếm 57,69%).

- Với quan điểm (ĐK5) chỉ nam giới mới cần tham gia các cuộc họp, tập huấn về QLBV rừng cộng đồng thì người dân cả 2 xã đều không đồng tình với quan điểm này (chiếm trên 70%).

Với quan điểm (ĐK6) chỉ nữ giới mới cần tham gia các cuộc họp, tập huấn về gieo ươm cây bản địa, chăm sóc cây con tại vườn ươm, trồng phục hồi rừng cộng đồng thì phần lớn người dân cả 2 xã đều không đồng ý với tỷ lệ (chiếm từ 38 – 66%), riêng xã Thượng Quảng một bộ phận người dân vẫn đồng tình với quan điểm (chiếm tỷ lệ 27%).

-Với quan điểm (ĐK7) chỉ nam giới mới đảm đương tốt vai trò lãnh đạo cộng đồng tham gia các hoạt động liên quan đến QLBV rừng cộng đồng thì cả 2 xã đều

đồng ý với tỷ lệ 50 – 57% tại xã Hương Lộc và xã Thượng Quảng.

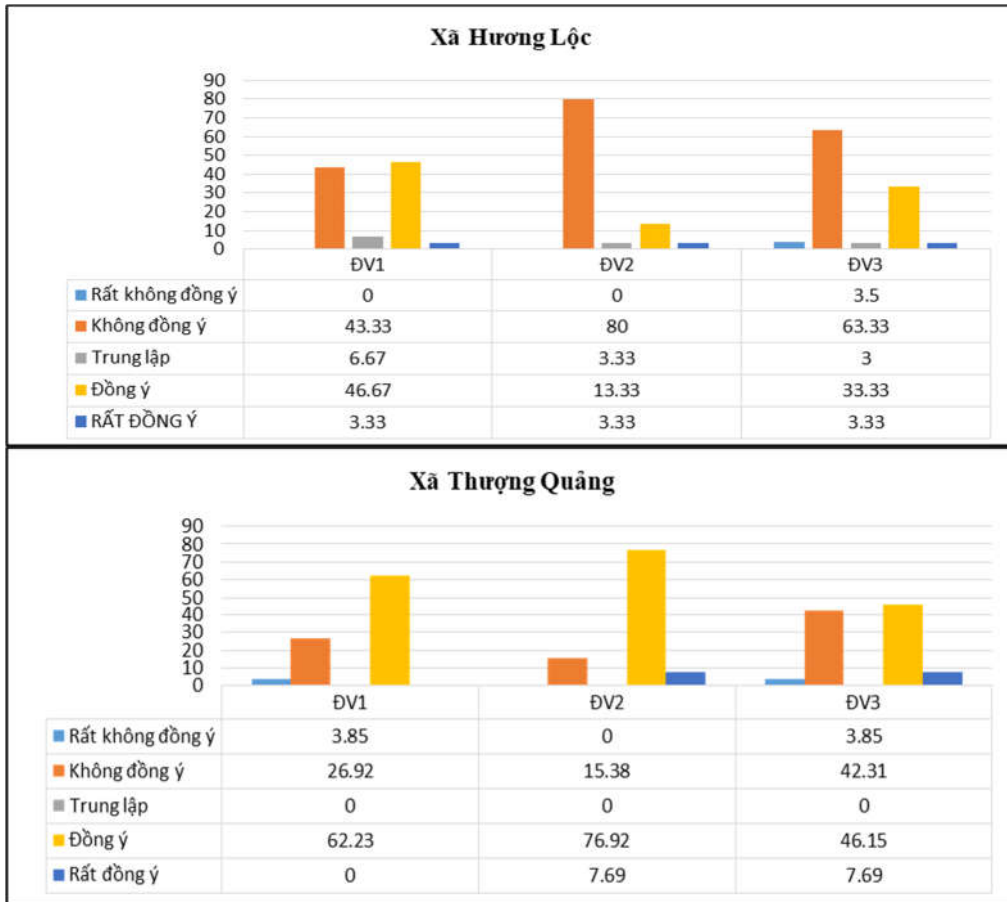
Có thể thấy rằng, người dân ở cả 2 xã đại diện cho 2 nhóm dân tộc Kinh và Cơ tu đều coi việc phụ nữ đảm đương công việc nội trợ, chăm sóc con cái là nhiệm vụ và thiên chức của người phụ nữ. Việc tuần tra, quản lý, chăm sóc rừng là việc của nam giới, công việc này khá nặng nhọc do khoảng cách từ nhà đến rừng cộng đồng tương đối xa (1,5 giờ đi bộ), đôi khi ở lại qua đêm nên rất ít khi phụ nữ tham gia. Việc tham gia vào các công việc (phát luống dây leo, bụi rậm, gieo ươm, trồng rừng) thì cả nam và nữ đều tham gia, song nam giới thường tham gia nhiều hơn nữ giới. Việc tham gia các buổi họp hay tập huấn thì người dân đều cho rằng cả nam và nữ đều có thể tham gia không phân biệt về nội dung tuần tra rừng hay hướng dẫn kỹ thuật gieo ươm cây bản địa. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các cuộc họp họp trong thôn, phụ nữ thường ít khi tham gia vì họ cho rằng việc xã hội, họp hành là của đàn ông. Ngoài ra, người dân cũng quan niệm chỉ có nam giới mới đảm đương tốt vai trò lãnh đạo cộng đồng tham gia các hoạt động liên quan đến quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng, nam giới tham gia các hoạt động xã hội nên có nhiều kinh nghiệm và kiến thức. Chính định kiến này càng làm phụ nữ ít có cơ hội để tham gia vào các hoạt động lãnh đạo cộng đồng.

Tóm lại, những định kiến về giới luôn là rào cản lớn hạn chế nữ giới tham gia vào các hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng tại địa phương.

3.4.2. Địa vị xã hội ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong quản lý, sử dụng và phát triển RCD

Đề tài đặt ra nghi vấn, liệu quyền lực và địa vị xã hội có lấn át hay ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong hoạt động

QLBV&PT rừng cộng đồng hay không? Lý giải cho vấn đề này, đề tài có các số liệu điều tra trong Biểu đồ 4.



Tổng hợp từ phiếu điều tra (2019)

Biểu đồ 4. Địa vị xã hội ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong quản lý, sử dụng và phát triển rừng cộng đồng tại xã Hương Lộc và xã Thượng Quảng

ĐV1: Những vị trí quản lý, lãnh đạo cộng đồng thường là nam giới

ĐV2: Những người có chức trách trong cộng đồng thường đảm nhiệm vị trí quan trọng trong BQLRCD

ĐV3: Chỉ những người có vị trí quan trọng trong BQLRCD mới có quyền đưa ra quyết định về các hoạt động liên quan đến QLBV & PTRCD.

Qua Biểu đồ 4 cho kết quả:

- Với quan điểm (ĐV1): Từ kết quả biểu đồ cho thấy người Kinh ở xã Hương Lộc có thể tiếp cận tốt hơn về vấn đề bình đẳng giới nên quan niệm của họ về vai trò của giới phần nào đề cao vị trí của người phụ nữ trong xã hội hơn trước đây (với 46,7% ý kiến đồng ý và 43,3% ý kiến không đồng ý với quan điểm những vị trí quản lý, lãnh đạo cộng đồng thường là nam giới).

Người Cơ tu ở xã Thượng Quảng vẫn luôn đề cao vị trí của nam giới trong xã hội, nữ giới thường ít đảm nhận các vị trí quan trọng trong cộng đồng (với 62,1% ý kiến đồng ý và 26,9% ý kiến không đồng ý với quan điểm những vị trí quản lý, lãnh đạo cộng đồng thường là nam giới).

- Với quan điểm (ĐV2) những người có chức trách trong cộng đồng thường đảm nhiệm vị trí quan trọng trong ban quản lý

rừng cộng đồng thì kết quả phỏng vấn ý kiến người dân tại hai xã hoàn toàn khác nhau. Tại xã Hương Lộc 80% người dân không đồng tình với quan điểm này. Theo các thành viên tham gia trong tổ QL BV&PT rừng cộng đồng do cộng đồng bầu ra, khi đưa ra quyết định liên quan đến QL BV&PT rừng đều thông qua ý kiến của các thành viên tham gia sau đó lựa chọn ý kiến được tán thành đa số. Tại xã Hương Quảng, người dân lại đồng tình với quan điểm những người có chức trách trong cộng đồng thường giữ vị trí trong BQL rừng cộng đồng với tỷ lệ 76,9%.

- Với quan điểm (ĐV3) chỉ những người có vị trí quan trọng trong BQL rừng cộng đồng mới có quyền đưa ra quyết định về các hoạt động liên quan đến QL BV&PT rừng cộng đồng thì đa số người dân xã Hương Lộc hoàn toàn không đồng ý với ý kiến này (chiếm 63,3%), người dân cho rằng tất cả các quyết định liên quan đến hoạt động QL BV&PT rừng phải thảo luận trước cộng đồng và lựa chọn ý kiến được tán thành nhiều nhất. Riêng xã Thượng Quảng tỷ lệ người dân đồng tình và không đồng tình với quan điểm ĐV3 gần tương đương nhau, có thể thấy rằng, nhóm dân tộc Cơ tu ở xã Thượng Quảng vẫn còn chưa thể hiện được quan điểm của cá nhân trong cộng đồng. Nhìn chung, theo quan sát và số liệu điều tra tại 2 xã nghiên cứu, nhân tố địa vị xã hội có thể xem là nhân tố ảnh hưởng đến sự khác biệt giới trong QL BV&PT rừng cộng đồng ở xã Thượng Quảng. Tuy nhiên tại xã Hương Lộc nhân tố này không quyết định nhiều đến sự khác biệt giới trong các hoạt động trên.

4. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu, đề tài rút ra một số kết luận:

- Ở cả hai cộng đồng người Kinh và người Cơ tu đều có sự phân biệt giới tương

đối rõ trong tất cả các hoạt động QL BV&PT rừng cộng đồng.

- Nam giới ở cả hai cộng đồng người Kinh và Cơ tu đều có vai trò quan trọng và tham gia vào tất cả các hoạt động liên quan đến quản lý bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng: xây dựng quy ước, lập kế hoạch, tuần tra, chăm sóc vệ sinh rừng, gieo ươm, trồng rừng ở mức độ cao; trong lúc nữ giới ở cả 2 nhóm dân tộc đều có tham gia vào các hoạt động đó nhưng ở mức độ thấp. Nam giới có quyền ra quyết định và tham gia vào hoạt động lãnh đạo cộng đồng (ban quản lý rừng cộng đồng) trong khi nữ giới hiếm có cơ hội tham gia.

- Ở 2 điểm nghiên cứu này hiện nay vẫn tồn tại quan điểm về định kiến giới và địa vị xã hội trong các hoạt động xã hội, chính điều này đã tạo ra sự phân biệt giới trong hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương. Tuy nhiên, quan điểm về địa vị xã hội có ảnh hưởng đến vai trò/mức độ tham gia của giới trong QL BV&PT rừng cộng đồng ở nhóm người Cơ tu thể hiện rõ nét hơn ở nhóm người Kinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (18/6/2014). *Vấn đề lồng ghép giới trong việc quản lý và bảo vệ rừng tại Hòa Bình*. Khai thác từ [http://dangcongsan.vn/cungbanluan/Vấn đề lồng ghép giới trong quản lý và bảo vệ rừng](http://dangcongsan.vn/cungbanluan/Vấn%20đề%20lồng%20ghép%20giới%20trong%20quản%20lý%20và%20bảo%20vệ%20rừng)
- Bùi Thị An và Nguyễn Thị Nghĩa. (2009). *Tài liệu tập huấn Phương pháp phân tích giới và kế hoạch hành động giới*, Dự án phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Lê Thị Diên và Võ Đình Tuyên. (2011). Nghiên cứu vai trò của giới trong quản lý và phục hồi rừng cộng đồng tại xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Lâm Nghiệp*, 3, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
- Hạt Kiểm lâm huyện Nam Đông. (2017). *Báo cáo kết quả thực hiện công tác giao rừng*,

cho thuê rừng theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Huyện. Thừa Thiên Huế.

Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Thanh Hải và Nguyễn Đức Tổ Lưu. (2015). *Báo cáo kỹ*

thuật: Vai trò của phụ nữ trong sử dụng và quản lý tài nguyên rừng tại khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Nha, tỉnh Sơn La. Hà Nội.